Panasonic

CATALOGUE

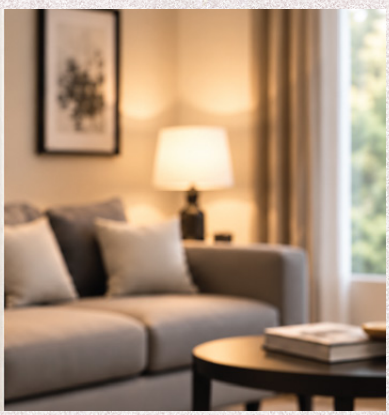
10.2026











THIẾT BỊ ĐIỆN DÂN DỤNG

THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

ĐIỆN GIA DỤNG

Ampo.vn

www.nanoco.com.vn

fb.com/nanoco.com.vn

info@nanoco.com.vn

Hotline: 1900 67 11

MỤC LỤC

T01

THIẾT BỊ ĐIỆN


WIDE SERIES T02-06


HALUMIE - ACRYLIC FULL COLOR T07-09


MODERVA T10


MINERVA T11-13


GEN - X T13


Ổ CẮM CÓ DÂY T14


Ổ CẮM ÂM SÀN T14


THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN T14


MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH T15


RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ T16

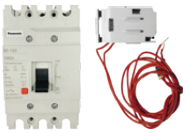
NEW

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ T16


BỘ CẦU DAO AN TOÀN T16


THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN SPD T16


KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN T16

NEW

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MCCB T17-18
PHỤ KIỆN MCCB

NEW

KHỞI ĐỘNG TỪ CÔNG NGHIỆP 3P RƠ LE NHIỆT T18

NEW

MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB T19


TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG T20


CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ T21


Ổ - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP CHUÔNG T21


QUẠT HÚT T22

NEW

QUẠT HÚT SUỐI T22


QUẠT CẤP GIÓ T23

NEW

QUẠT CHẮN GIÓ T23


QUẠT HÚT CABINET T23

ĐIỆN GIA DỤNG


QUẠT TRẦN T24-26

NEW

QUẠT ĐIỆN T27

NEW

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ T28-29
MÁY HÚT ẨM

NEW

MÁY NƯỚC NÓNG T30-32
MÁY SẤY TAY

Panasonic

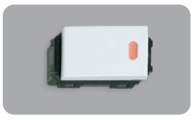
MÁY BƠM T33



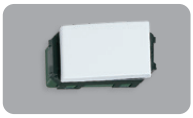
WEV502107SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
85.600



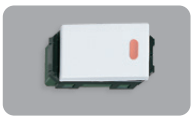
WEV5001SW/WEV5001-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
24.600



WEG5151-51SWK/WEG51517SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
124.200



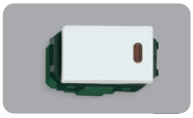
WEV5002SW/WEV5002-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C - 2 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
50.500



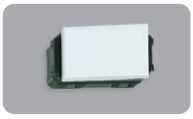
WEG5152-51SWK/WEG51527SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
147.000



WEV5033-7SW
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
269.000



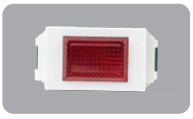
WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A
Illuminated switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
342.500



WEG5004KSW
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E - 4 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
273.000



WEG5401-011SW
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
76.000



WEG3032RSW
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
129.000

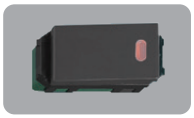




WEV502127SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
97.000



WEV5001H/WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
40.500



WEG5151-51KH/WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
160.000



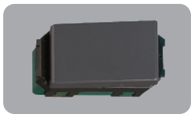
WEV5002H/WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
70.600



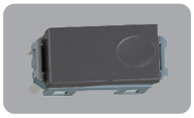
WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
188.000



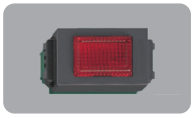
WEV5033-7H
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
334.000



WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
350.000



WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
117.000



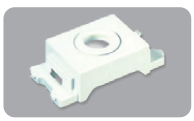
WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
160.000



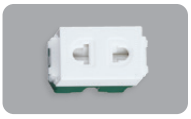
WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
17.200



WEG3020SW
Nút trống
Blank chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
12.300



WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/ 16mm
Telephone wire chip dia 9mm/ 16mm
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
12.300



WEV1081SW/ WEV1081-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
45.800



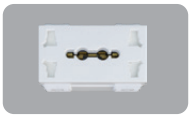
WEV1181SW/ WEV1181-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
76.000



WEV1582SW/ WEV1582-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
111.000



WEI1171SW-VN Xuất xứ Ấn Độ 115.000
WEV117107SW NEW Xuất xứ Việt Nam 123.000
Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A
Multiple receptacle with safety shutter
Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



WEV157207SW
Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A
Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
161.000



WEV2501SW
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
96.000



WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
96.000



WEV2488SW - CAT5E 208.000
WEV24886SW - CAT6 ..... 249.000
Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6
Data modular CAT5E/ Data modular CAT6
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



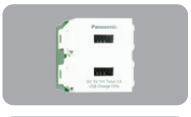
WEG2021SW
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
830.000



WEF108107-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-2,4A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
664.000



WEF412417W-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger
Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
963.000



WEF11821W Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
787.000



WEF14821W-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/
A-C type 2-port USB charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.113.000



WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W
Loại có chức năng bật tắt
Dimmer for Incandescent lamp, Off function type
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
418.500



WEG57912SW
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
(Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
830.000



WEF5791501SW-VN Xuất xứ Đài Loan
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.466.000



WEV1081H/WEV1081-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
56.000



WEV1181H/WEV1181-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
103.000



WEV1582H/WEV1582-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
150.000



WEI1171H-VN Xuất xứ Ấn Độ 160.000
WEV117107H NEW Xuất xứ Việt Nam 172.000
Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A
Multiple receptacle with safety shutter
Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



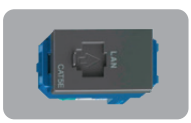
WEV157207H
Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A
Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
236.000



WEV2501H
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
143.500



WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
143.500



WEV2488H - CAT5E 248.500
WEV24886H - CAT6 ..... 300.000
Ổ cắm data
Data modular
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng



WEG2021H
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
994.000



WEF108107H-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-2,4A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
776.000



WEF412417H-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger
Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.118.000



WEF11821H Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
910.000



WEF14821H-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/
A-C type 2-port USB charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.284.000



WEG575151H
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W
Dimmer for incandescent lamp, Off function type
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
640.000



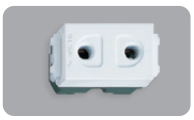
WEG57912H
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
(Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
946.000



WEF5791501H-VN Xuất xứ Đài Loan
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.636.000



WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.500



WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.500



WEV68010SW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68020SW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68030SW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



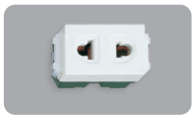
WEV68040SW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp,100 cái/thùng
38.000



WEV68060SW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
38.000



WEV138307SW
Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A, Bắt vít
Triple universal WIDE receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
140.000



WEV1091SW
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.500



WEV7001SW
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV680290SW
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV7061SW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68910SW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68920SW
Mặt kín đôi
Double cover plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
38.000

MẶT CÓ NẮP CHE



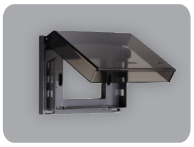
WEG7901K-VN - Màu beige
WEG7901SWK-VN - Màu trắng
WEG7901HK-VN - Màu xám
Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG7902K-VN - Màu beige
WEG7902SWK-VN - Màu trắng
WEG7902HK-VN - Màu xám
Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



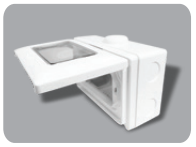
WEG7903K-VN - Màu beige
WEG7903SWK-VN - Màu trắng
WEG7903HK-VN - Màu xám
Mặt 3 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG8981K-VN
Mặt có nắp che mưa
Cần lắp cùng mặt nạ
Weatherproof plate - IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
256.000



WEG79029K-VN - Màu beige
WEG79029SWK-VN - Màu trắng
WEG79029HK-VN - Màu xám
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che
Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG8973SW-VN
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị, không cần lắp mặt nạ
Weatherproof plate with soft cover window,1 gang -3 Device
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
372.500



WEG8973LH-VN
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị, không cần lắp mặt nạ
Weatherproof plate with soft cover window, 1 gang -3 Device
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
389.500



MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP



WEG6501-1
Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG6502-1
Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG6503-1
Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG65029-1
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68010MW	33.300	WEV68010MB	33.300	WEV68010MH	33.300
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68020MW	33.300	WEV68020MB	33.300	WEV68020MH	33.300
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68030MW	33.300	WEV68030MB	33.300	WEV68030MH	33.300
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68040MW	55.700	WEV68040MB	55.700	WEV68040MH	55.700
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68060MW	55.700	WEV68060MB	55.700	WEV68060MH	55.700
	Mặt dùng cho HB Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV7061MW	33.300	WEV7061MB	33.300	WEV7061MH	33.300
	Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV7001MW	33.300	WEV7001MB	33.300	WEV7001MH	33.300
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV680290MW	33.300	WEV680290MB	33.300	WEV680290MH	33.300
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68910MW	33.300	WEV68910MB	33.300	WEV68910MH	33.300

Refina MÀU



WEG55317MB
Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.500



WEG55317MW
Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.500



WEG55317MH
Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.500



WEG55327MB
Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000

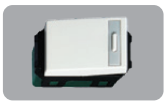


WEG55327MW
Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG55327MH
Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000

Refina TRẮNG



WEV5531SW/ WEV5531-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
40.300



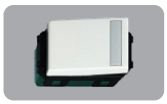
WEV5521SW/ WEV5521-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
40.300



WEV5511SW/ WEV5511-7SW
(Cắm nhanh, Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
40.300



WEC5542-7SW
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung
250VAC - 10A, Switch C - 2 ways
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
166.000



WEV5532SW/ WEV5532-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
74.000



WEV5522SW/ WEV5522-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
74.000



WEV5512SW/ WEV5512-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
74.000

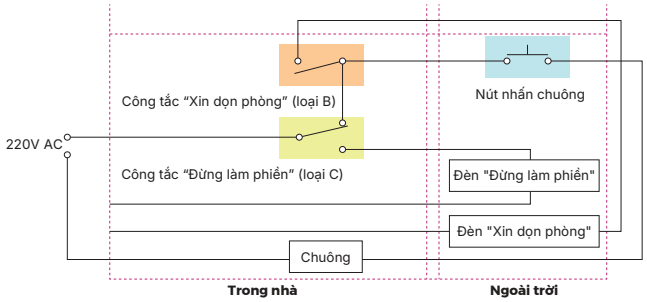


WEV5533-7SW
(Bắt vít)
Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm,
250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
321.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

Sơ đồ mạch điện dành cho đèn báo "Xin dọn phòng" - "Đừng làm phiền"





WEG5001K-031
Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A
Switch B "Make Up Room"
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.500



WEG5002K-021
Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
Switch C "Do not disturb"
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
60.000



WSBC9120SW-VN
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socket build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
1.659.000



WNBP5428690FK
Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A
Dùng cho bếp điện từ, máy nước nóng
BS Glow switch D double pole
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
517.000



WEB11119SW-VN
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
135.000



WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
25.500



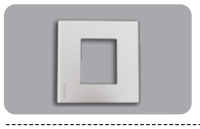
WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
25.500



WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
25.500



WEB7811MW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7812MW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7813MW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
"Make Up Room" pilot lamp
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
188.000



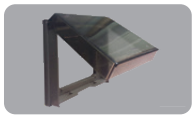
WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
188.000



WBC8981SW
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc, ổ cắm
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
239.000



WBC8991W
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc ổ cắm
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
257.000



WBG8981-P
Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
251.500



WEBP1041B-MH
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
262.000



WEB7811MH
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7812MH
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7813MH
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7811MB
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7812MB
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7813MB
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	(Cắm nhanh - bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	26.800	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	43.600	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh - bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	26.800	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	43.600	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	26.800	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	43.600	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	141.500	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	189.500	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	189.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	166.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	233.500	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	233.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	54.600	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	78.500	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	78.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	54.600	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	78.500	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	78.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	54.600	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	78.500	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	78.500
	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	107.000	WEVH554127MYZ	161.000	WEVH554127MYH	161.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 250VAC - 10A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	177.000	WEVH5542-7MYZ	268.000	WEVH5542-7MYH	268.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	300.000	WEVH5033-7MYZ	412.000	WEVH5033-7MYH	412.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	82.500	WEVH5401-011MYZ	139.500	WEVH5401-011MYH	139.500
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				
	Acrylic Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6801CW-VN	245.000	WEGH6801CYZ-VN	273.000	WEGH6801CYH-VN	273.000
	Acrylic Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6802CW-VN	245.000	WEGH6802CYZ-VN	273.000	WEGH6802CYH-VN	273.000
	Acrylic Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6803CW-VN	245.000	WEGH6803CYZ-VN	273.000	WEGH6803CYH-VN	273.000
	Acrylic Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH68029CW-VN	245.000	WEGH68029CYZ-VN	273.000	WEGH68029CYH-VN	273.000

Để lắp 2 mặt acrylic gần nhau, khoảng cách cạnh trên 2 đế âm đơn là 1cm

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	22.500	WEVH68010MYZ	43.600	WEVH68010MYH	43.600
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	22.500	WEVH68020MYZ	43.600	WEVH68020MYH	43.600
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	22.500	WEVH68030MYZ	43.600	WEVH68030MYH	43.600
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	40.500	WEVH68040MYZ	87.000	WEVH68040MYH	87.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	40.500	WEVH68060MYZ	87.000	WEVH68060MYH	87.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	22.500	WEVH8061MYZ	43.600	WEVH8061MYH	43.600
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	22.500	WEVH68910MYZ	43.600	WEVH68910MYH	43.600
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	22.500	WEVH680290MYZ	43.600	WEVH680290MYH	43.600
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	45.800	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	80.500	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	80.500
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	76.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	139.500	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	139.500
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	111.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	195.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	195.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEI1171SW-VN Ấn Độ WEV117107SW VN NEW	115.000 123.000	WEV1171MYZ WEV117107MYZ VN NEW	210.000 225.000	WEV1171MYH WEV117107MYH VN NEW	210.000 225.000
	Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV157207SW NEW	161.000	WEV157207MYZ NEW	278.500	WEV157207MYH NEW	278.500
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng, bắt vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF108107-VN	664.000	WEF108107MYZ-VN	942.000	WEF108107MYH-VN	942.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bắt vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF412417W-VN	963.000	WEF412417MYZ-VN	1.391.000	WEF412417MYH-VN	1.391.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF11821W	787.000	WEF11821MYZ-VN	1.091.000	WEF11821MYH-VN	1.091.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A - C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF14821W-VN	1.113.000	WEF14821MYZ-VN	1.605.000	WEF14821MYH-VN	1.605.000
	Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	96.000	WEV2501MYZ	150.000	WEV2501MYH	150.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2364SW	96.000	WEV2364MYZ	150.000	WEV2364MYH	150.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E WEV24886SW - CAT6	208.000 249.000	WEV2488MYZ - CAT5E WEV24886MYZ - CAT6	311.500 456.000	WEV2488MYH - CAT5E WEV24886MYH - CAT6	311.500 456.000



WNV5001-7W
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B(1 - way)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
14.700



WNG5051W-751
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
124.000



WN5241W-801
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A
Appellation glow switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
460.000



WNG5021W-7
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A
Twin Switch B, single pole
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
149.500



WNV5002-7W
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C(2 - ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
39.500



WNG5052W-751
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
141.000



WNG5343W-761
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng (có chữ)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
207.000



WBG5414699W
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy lạnh (có chữ)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
207.000



WBG5414699W-SP
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
207.000



WNG5401W-7K
Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
65.500



WNG5004W-7
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A
Switch E(4 - ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
221.000



WSG3001
Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting switch B, single pole
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
48.500



WN3023W
Lỗ ra dây điện thoại
Telephone wire chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.600



WZV7841W
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WZV7842W
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WZV7843W
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WNV1081-7W
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.000



WNV1091-7W
Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A
Universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.500



WN10907KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn)
250VAC - 10A, round pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
38.000



WN1001-7KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, flat pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
35.000



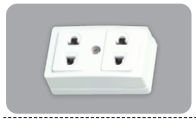
WN11017W
Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
65.500



WNV138307W
Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A
Triple universal FULL receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
73.500



WNG159237W
Ổ cắm có dây nối đất, không màn che, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.500



WKG1092250
Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting duplex universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
61.000



WZV1201W
Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
71.500



WNTG15649W
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
101.000



NRV3160W
Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5
Data modular jack RJ45 - CAT5
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
192.000



WN3020W
Nút trống
Blank chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.600



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless steel plate
103.000



WZV7061W
Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WZV7844W
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
36.000



WZV7846W
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
36.000



Moderva



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	85.600	WMF501MYZ-VN	121.000	WMF501MYH-VN	121.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	94.500	WMF511MYZ-1VN	131.000	WMF511MYH-1VN	131.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	112.500	WMF502MYZ-VN	158.000	WMF502MYH-VN	158.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	121.000	WMF512MYZ-1VN	168.000	WMF512MYH-1VN	168.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	204.000	WMFV503307MYZ	287.000	WMFV503307MYH	287.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	263.000	WMF594MYZ-VN	369.000	WMF594MYH-VN	369.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	124.500	WMF503MYZ-VN	175.000	WMF503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	136.000	WMF513MYZ-1VN	190.000	WMF513MYH-1VN	190.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	148.000	WMF504MYZ-VN	204.000	WMF504MYH-VN	204.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	160.000	WMF514MYZ-1VN	222.000	WMF514MYH-1VN	222.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	414.000	WMF596MYZ-VN	577.000	WMF596MYH-VN	577.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	168.000	WMF505MYZ-VN	238.000	WMF505MYH-VN	238.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	184.000	WMF515MYZ-1VN	254.000	WMF515MYH-1VN	254.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	190.000	WMF506MYZ-VN	263.000	WMF506MYH-VN	263.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	202.000	WMF516MYZ-1VN	284.000	WMF516MYH-1VN	284.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	249.000	WMF507MYZ-VN	346.000	WMF507MYH-VN	346.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	267.000	WMF517MYZ-1VN	373.000	WMF517MYH-1VN	373.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	279.000	WMF508MYZ-VN	388.000	WMF508MYH-VN	388.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	299.000	WMF518MYZ-1VN	420.000	WMF518MYH-1VN	420.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	53.500	WMFV7811MYZ	74.000	WMFV7811MYH	74.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	53.500	WMFV7812MYZ	74.000	WMFV7812MYH	74.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	53.500	WMFV7813MYZ	74.000	WMFV7813MYH	74.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	53.500	WMF6891MYZ-VN	74.000	WMF6891MYH-VN	74.000
	Công tắc thẻ - Không có đèn báo (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	855.000	WMF535MYZ-VN	911.000	WMF535MYH-VN	911.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	263.000	WMF984MYZ-VN	366.000	WMF984MYH-VN	366.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.229.000	WMF936MYZ-VN	1.278.000	WMF936MYH-VN	1.278.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	118.000	WMF223MYZ-VN	166.000	WMF223MYH-VN	166.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	118.000	WMF224MYZ-VN	166.000	WMF224MYH-VN	166.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	154.500	WMF533MYZ-VN	213.000	WMF533MYH-VN	213.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.342.000	WMF132MYZ-VN	1.407.000	WMF132MYH-VN	1.407.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	150.000	WMF301MYZ-VN	213.000	WMF301MYH-VN	213.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	163.000	WMF311MYZ-VN	227.000	WMF311MYH-VN	227.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	160.000	WMF403MYZ-VN	207.000	WMF403MYH-VN	207.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	305.000	WMF421MYZ-VN	428.000	WMF421MYH-VN	428.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	482.000	WMF422MYZ-VN	671.000	WMF422MYH-VN	671.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MINERVA



TỔNG QUAN THIẾT KẾ
Tạo sự đồ bóng hài hòa đẹp mắt với không gian của ngôi nhà.

GÓC ĐÀO CHIỀU BẬT/TẮT NHỎ
Công tắc thanh mảnh thích nghi với toàn bộ ngôi nhà.

BỀ MẶT MƯỢT MÀ
Chất liệu cải tiến bóng mịn mượt mà.

MẶT TIẾP XÚC LỚN KHÔNG VIỀN
Tối đa hóa không gian vận hành nhờ loại bỏ sự gò bó của khung viền. Tạo cảm giác vận hành hoàn hảo.



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	122.000	WMT501MYZ-VN	135.000	WMT501MYH-VN	135.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	150.000	WMT502MYZ-VN	163.000	WMT502MYH-VN	163.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	428.000	WMT594MYZ-VN	463.000	WMT594MYH-VN	463.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	195.000	WMT503MYZ-VN	205.000	WMT503MYH-VN	205.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	233.000	WMT504MYZ-VN	244.000	WMT504MYH-VN	244.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	817.000	WMT596MYZ-VN	887.000	WMT596MYH-VN	887.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	261.000	WMT505MYZ-VN	286.000	WMT505MYH-VN	286.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	279.000	WMT506MYZ-VN	303.000	WMT506MYH-VN	303.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	428.000	WMT507MYZ-VN	463.000	WMT507MYH-VN	463.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	512.000	WMT508MYZ-VN	548.000	WMT508MYH-VN	548.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	490.000	WMTV503307MYZ	546.000	WMTV503307MYH	546.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	76.000	WMT7811MYZ-VN	100.000	WMT7811MYH-VN	100.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	76.000	WMT7812MYZ-VN	100.000	WMT7812MYH-VN	100.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	76.000	WMT7813MYZ-VN	100.000	WMT7813MYH-VN	100.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	76.000	WMT6891MYZ-VN	100.000	WMT6891MYH-VN	100.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMT421-VN	321.000	WMT421MYZ-VN	460.000	WMT421MYH-VN	460.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMT422-VN	589.000	WMT422MYZ-VN	728.000	WMT422MYH-VN	728.000
	Ổ Cắm Data Cat6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 modular jack	WMT431-VN	439.000	WMT431MYZ-VN	471.000	WMT431MYH-VN	471.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 2 devices modular jack	WMT432-VN	674.000	WMT432MYZ-VN	813.000	WMT432MYH-VN	813.000

NEW

*Giá bán đã bao gồm VAT

MINERVA

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/ hộp, 5 cái/ thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.735.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.954.000	WMT707MYH-VN	2.954.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	188.000	WMT540108MYZ-VN	233.000	WMT540108MYH-VN	233.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	2.026.000	WEC5781MYZ-VN	2.137.000	WEC5781MYH-VN	2.137.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A - GEN-X





WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate
899.000



WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate
1.541.000



WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate
2.301.000



WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate
3.092.000



WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate
3.820.000



WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate
4.601.000

*Bộ 4-5-6 công tắc lắp với đế âm NA102

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate
754.000



WTFBP52562S-1-G
WTFBP52562S-SP (lắp ngang)
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate
1.316.000



WTFBP53572S-1-G
WTFBP53572S-SP - lắp ngang
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate
1.969.000

MẶT ĐẬY



WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices
551.000



WTFB6503S-1-G
WTFB6503S-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices plate
471.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)
139.000



WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối 500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W
706.000



WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shuter 16A - 250V
155.000



WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack
295.000

WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack
305.000



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal
139.000



WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip
19.500

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m
Extension cord 6 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng
979.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng
1.289.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m
Extension cord 5 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng
1.065.000





WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2,1A, 3m
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói: 10 cái/thùng
954.000



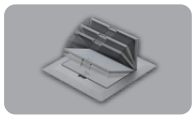
WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói: 10 cái/thùng
540.400

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

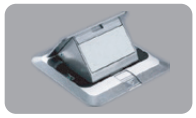
Loại lắp 3 thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box
1.269.000



DUFS1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46 x 102 x 102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.
1.547.000



DU5900VTK (Kết hợp được với ổ đa năng WEI1171)
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69 x 119 x 119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.
1.402.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box
2.092.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1 **939.000**
DU81931HT9-1 **1.005.000**
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Grounding duplex universal receptacle



DU8199HTK-1 **868.000**
DU8199HT9-1 **929.000**
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BÁO CHÁY



Xuất xứ Đài Loan

WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A - 220V
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Độ cao trần 3,5m - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần
2.048.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKG2311 **2.777.000**
WTKF23113-VN **2.971.000**
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Độ cao trần 3,5m



Xuất xứ Đài Loan

WTKF339107-VN
Cảm biến gắn **trần cao** - chiều cao lắp đặt lên đến 12,7m
8A 220V-240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút
3.360.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF337107-VN
Cảm biến **góc rộng**, gấp đôi vùng cảm biến (lên tới 13,3m)
8A 220V - 240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi, độ cao trần 4,2m
chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút
3.450.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1.000lux
Độ cao trần 3,0m
1.758.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF2911-VN
Sensor phụ - Loại âm trần
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN
Không kết nối với đèn
Độ cao trần 3,0m
1.052.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Loại âm trần, độ cao trần 3,0m
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút
1.380.000



Xuất xứ Nhật Bản

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi
1.030.000

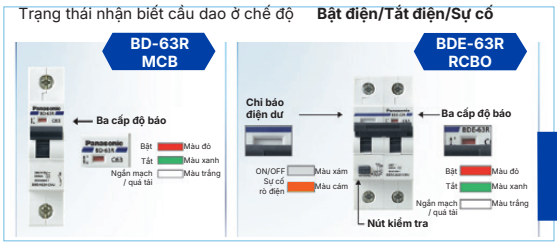
MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

	Mã sản phẩm Code	I_n (A)	I_{CU} (kA)	Giá lẻ (Cái)
MCB 1P-1E C Curve 06kA	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		99.000
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói: 12 cái/hộp 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50		
	BBD1631CNV	63		233.000
MCB 2P-2E C Curve 06kA	BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		284.000
	BBD2322CNV	32		
Đóng gói: 6 cái/hộp 24 cái/thùng	BBD2402CNV	40		
	BBD2502CNV	50		
	BBD2632CNV	63		469.000
MCB 3P-3E C Curve 06kA	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		502.000
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
Đóng gói: 4 cái/hộp 16 cái/thùng	BBD3403CNV	40		
	BBD3503CNV	50		
	BBD3633CNV	63		751.000
MCB 4P-4E C Curve 06kA	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		709.000
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40		
Đóng gói: 3 cái/hộp 12 cái/thùng	BBD4504CNV	50		
	BBD4634CNV	63		1.056.000

	Mã sản phẩm Code	I_n (A)	I_{CU} (kA)	Giá lẻ (Cái)
MCB 1P-1E C Curve 10kA	BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA	
	BBD1101CHHV	10		
	BBD1161CHHV	16		
	BBD1201CHHV	20		150.000
	BBD1251CHHV	25		
	BBD1321CHHV	32		
	BBD1401CHHV	40		177.000
	BBD1501CHHV	50		
Đóng gói: 12 cái/hộp 120 cái/thùng	BBD1631CHHV	63		345.000
	BBD10801CHV	80		857.000
Đóng gói: 8 cái/hộp	BBD11001CHV	100	240VAC 10kA	935.000
MCB 2P-2E C Curve 10kA	BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA	
	BBD2102CHHV	10		
	BBD2162CHHV	16		435.000
	BBD2202CHHV	20		
	BBD2252CHHV	25		
	BBD2322CHHV	32		
	BBD2402CHHV	40		506.000
Đóng gói: 6 cái/hộp 60 cái/thùng	BBD2502CHHV	50		
	BBD2632CHHV	63		706.000
	BBD20802CHV	80	415VAC 10kA	1.697.000
Đóng gói: 4 cái/hộp	BBD21002CHV	100		1.869.000
MCB 3P-3E C Curve 10kA	BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA	
	BBD3103CHHV	10		
	BBD3163CHHV	16		
	BBD3203CHHV	20		757.000
	BBD3253CHHV	25		
	BBD3323CHHV	32		
Đóng gói: 4 cái/hộp 40 cái/thùng	BBD3403CHHV	40		
	BBD3503CHHV	50		
	BBD3633CHHV	63		1.135.000
	BBD30803CHV	80	415VAC 10kA	2.271.000
Đóng gói: 2 cái/hộp	BBD31003CHV	100		2.393.000
MCB 4P-4E C Curve 10kA	BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA	
	BBD4104CHHV	10		
	BBD4164CHHV	16		
	BBD4204CHHV	20		1.068.000
	BBD4254CHHV	25		
	BBD4324CHHV	32		
	BBD4404CHHV	40		
Đóng gói: 3 cái/hộp 30 cái/thùng	BBD4504CHHV	50		
	BBD4634CHHV	63		1.614.000
	BBD40804CHV	80	415VAC 10kA	3.505.000
Đóng gói: 2 cái/hộp	BBD41004CHV	100		3.739.000

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO

Trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Sự cố**



Các chỉ báo tình trạng Bật điện, Tắt điện và Sự cố ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

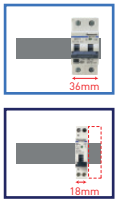
*Giá bán đã bao gồm VAT

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ



Gọn hơn
Tối ưu hơn

* Hai cấp độ báo:
Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xanh (ngắt điện)



RCBO Compact 2P1E



12 cái/ hộp
48 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
BBPE21631CNV	16			
BBPE22031CNV	20			
BBPE22531CNV	25			770.000
BBPE23231CNV	32			

RCBO 2P1E



6 cái/hộp
24 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	672.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25			720.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40			
BBDE25031CNV	50			1.021.000
BBDE26331CNV	63			

RCBO 4P4E



4 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.692.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50			2.225.000
BBDE46334CNV	63			

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P

NEW



4 cái/hộp
40 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDW22530V	25	30mA-2P	1.091.000
BBDW23230V	32		
BBDW24030V	40		1.310.000
BBDW26330V	63		

RCCB 4P

NEW



2 cái/hộp
20 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDW42530V	25	30mA-4P	1.747.000
BBDW43230V	32		
BBDW44030V	40		2.621.000
BBDW46330V	63		

RCCB 2P



Mã sản phẩm	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
BBDR23230HV	32		
BBDR24030HV	40		1.310.000
BBDR26330HV	63		
BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.747.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Giá lẻ (cái)
	BS11106TV	6	1	91.000
	BS1110TV	10	1,5	
	BS1111TV	15	1,5	
	BS1112TV	20	1,5	
	BS1113TV	30	1,5	
	BS1114TV	40	1,5	

1 cái/ hộp
50 cái/ thùng

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ THÁI LAN 	BJS1532S1V	15	1,5	30	536.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
Xuất xứ NHẬT BẢN 	BJJ23022-8	30	1,5	15	972.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ELB EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
	NEW BJS3220NA2K PRO	32	2,5	15	396.000
	NEW BJS3230NA2K PRO			30	
	BJS3020NA2 NHẬT BẢN/THÁI LAN	30	1,5	15	383.000
	BJJ23030-8 NHẬT BẢN/THÁI LAN		2,5	30	827.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD



Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1,5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
* Thay thế SPD khi phần hiển thị màu xanh chuyển sang đỏ	3.360.000

Đóng gói
50 cái/thùng

KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN Uc = AC 240V

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1



Bật: màu đỏ (cấp điện)

Tắt: màu xám (ngắt điện)

Mã sản phẩm Code	Loại	I_n(A)	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17,8 x 82 x 60	1.049.000
BMD2025204ACV		25		
BMD2040204ACV		40	35,4 x 82 x 60	1.498.000
BMD2063204ACV		63		2.707.000
BMD4025404ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	25	35,4 x 82 x 60	1.102.000
BMD4040404ACV		40	54,0 x 82 x 60	1.990.000
BMD4063404ACV		63	54,0 x 82 x 60	3.146.000

* I_n(A) Tham chiếu cho thiết bị tải AC-7a

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

SF Series

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Thông số kĩ thuật - Specifications Dòng định mức I_n(A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBSF2210CTCV	10	100AF	240 VAC 20kA	2P-2E	950.000
	BBSF2216CTCV	16				
	BBSF2220CTCV	20				
	BBSF2225CTCV	25				
	BBSF2232CTCV	32				
	BBSF2240CTCV	40				
	BBSF2250CTCV	50				
	BBSF2263CTCV	63				
	BBSF2280CTCV	80				1.100.000
	BBSF22100CTCV	100				
	BBSF3310CFCV	10	160AF	35kA	3P-3E	1.620.000
	BBSF3316CFCV	16				
	BBSF3320CFCV	20				
	BBSF3325CFCV	25				
	BBSF3332CFCV	32				
	BBSF3340CFCV	40				
	BBSF3350CFCV	50				
	BBSF3363CFCV	63				1.785.000
	BBSF33100CFCV	100				
	BBSF34160CFCV	160	250AF			3.500.000
	BBSF34200CFCV	200				
	BBSF34250CFCV	250				3.570.000
NEW 	BBSF35315CMCV	315	400AF	50kA		
	BBSF35350CMCV	350				7.310.000
	BBSF35400CMCV	400				
	BBSF36500CMCV	500	630AF			
	BBSF36630CMCV	630				12.770.000
	BBSF37700CMCV	700	800AF			
	BBSF37800CMCV	800				14.950.000
NEW 	BBSF45315CMCV	315	400AF		4P-4E	
	BBSF45350CMCV	350				13.860.000
	BBSF45400CMCV	400				
	BBSF46500CMCV	500	630AF			
	BBSF46630CMCV	630				21.860.000
	BBSF47700CMCV	700	800AF			
	BBSF47800CMCV	800				24.050.000

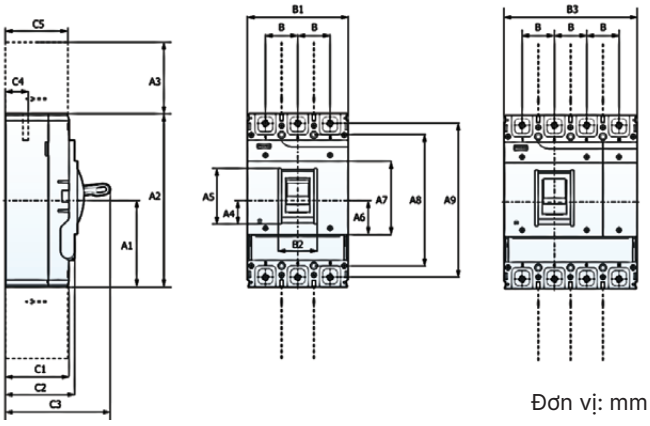
YH/ MH Series

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Thông số kĩ thuật - Specifications Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
 Xuất xứ Nhật Bản ***MCCB gắn kèm cuộn cắt	BBC31502YHVS	150	25kA	3P	3.970.000
	BBC32001YHVS	200			3.970.000
	BBC3250YHVS	250			4.040.000
 Xuất xứ Nhật Bản	BBC3600YHV	600	36kA	3P	24.100.000
	BBC3630YHV	630			
	BBC3800YHV	800			49.300.000
 Xuất xứ P.R.C	BBC35350CMHV	350	50kA	3P	7.310.000
	BBC35400CMHV	400			
	BBC36630GMHV	630			12.770.000
	BBC37700GMHV	700			14.950.000
	BBC37800GMHV	800			

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

	BBW240SKY	40	220VAC 2,5kA	2P	925.000
	BBW260Y	60			990.000
	BBW310Y	10	1,5kA	3P	725.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			

Kích thước MCCB SF Series



Đơn vị: mm

Model	Kiểu ngắt mạch/ Breaking type	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9
SF-160	F type	65	130	50	21	30	29,5	54,5	111	116
SF-250	F type	82,5	165	80	21	47,5	28,5	62	143	144
SF-400	M type	128,5	257	106	35	82,5	51	109	194	228
SF-630	M type	128,5	257	106	35	82,5	51	109	194	228
SF-800	M type	137,5	275	110	38	82	51	102	243	243

Model	Kiểu ngắt mạch/ Breaking type	B1	B2	B2	B3	C1	C2	C3	C4	C5
SF-160	F type	25	77	24.5	-	56.5	61.5	81.5	24.5	55
SF-250	F type	35	105	33	-	66	73	99.5	25.5	65
SF-400	M type	48	150	58	198	95	103.5	158	26.5	93
SF-630	M type	48	150	58	198	95	103.5	158	26.5	93
SF-800	M type	70	210	61.5	280	97	105	156.5	26	93

*Giá bán đã bao gồm VAT

PHỤ KIỆN CHO DÒNG SF SERIES 3P - 3E/ 4P - 4E

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS160F10A8V NEW	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị 3P3E có dòng định mức 10A đến 100A	470.000
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000
	BBS800Q20LV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên trái , cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q20RV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên phải, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q08LV	Tiếp điểm phụ báo tín hiệu , bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q10A7V	Cuộn cắt AC110V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D7V	Cuộn cắt DC110V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D8V	Cuộn cắt DC220V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q30A2V	Cuộn cắt thấp áp AC240V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	1.490.000

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS630QB1V NEW	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 315A đến 630A	3.010.000
	BBS800QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 700A và 800A	3.370.000
	BBS630QA1V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 3P3E từ 315A đến 630A	740.000
	BBS630QA2V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 4P4E từ 315A đến 630A	960.000

Model	SF-160	SF-250
Breaking type	F type	F type
SHT		

Trạng thái cầu dao	UVT	SHT/AX/AL	UVT+SHT/AX/AL
SF-160	Trạng thái đang ngắt mạch	Bật	Điều chỉnh về trạng thái "BẬT" (ON) trước, sau đó lắp đặt các phụ kiện SHT/AX/AL, sau đó đưa về trạng thái đang ngắt mạch và tiến hành lắp đặt phụ kiện UVT.
SF-250	Trạng thái đang ngắt mạch		

KHỞI ĐỘNG TỪ CÔNG NGHIỆP 3P NEW

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC60947-4-1

** Số cực: 3P* ** Dòng định mức (A) AC-3: 6A – 95A* ** Ue: 400V AC - Ui: 690V AC*

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức (A) AC-3	Tiếp điểm phụ	Giá lẻ (cái)
	BMS306104ACV	6	1 NO	540.000
	BMS306014ACV	6	1 NC	540.000
	BMS309104ACV	9	1 NO	560.000
	BMS309014ACV	9	1 NC	560.000
	BMS312104ACV	12	1 NO	582.000
	BMS312014ACV	12	1 NC	582.000
	BMS318104ACV	18	1 NO	650.000
	BMS318014ACV	18	1 NC	650.000
	BMS325104ACV	25	1 NO	910.000
	BMS325014ACV	25	1 NC	910.000
	BMS332104ACV	32	1 NO	1.670.000
	BMS332014ACV	32	1 NC	1.670.000
	BMS338104ACV	38	1 NO	1.940.000
	BMS338014ACV	38	1 NC	1.940.000
	BMS340114ACV	40	1 NO + 1 NC	2.180.000
	BMS350114ACV	50	1 NO + 1 NC	2.333.000
	BMS365114ACV	65	1 NO + 1 NC	3.060.000
	BMS380114ACV	80	1 NO + 1 NC	4.290.000
	BMS395114ACV	95	1 NO + 1 NC	4.580.000

RƠ LE NHIỆT NEW

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC60947-4-1

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dải điều chỉnh (A)	Khởi động từ phù hợp có dòng định mức (A)	Tiếp điểm	Giá lẻ (cái)
	BTS301611CV	0,1~0,16A	6A đến 25A	1 NO + 1 NC	361.000
	BTS302511CV	0,16~0,25A			361.000
	BTS304011CV	0,25~0,4A			361.000
	BTS306311CV	0,4~0,63A			361.000
	BTS31011CV	0,63~1A			361.000
	BTS310611CV	1~1,6A			361.000
	BTS320511CV	1,6~2,5A			361.000
	BTS34011CV	2,5~4A			361.000
	BTS36011CV	4~6A			361.000
	BTS38011CV	5,5~8A			361.000
	BTS310011CV	7~10A			361.000
	BTS313011CV	9~13A			361.000
	BTS318011CV	12~18A			361.000
	BTS325011CV	17~25A			361.000
	BTS332011CV	23~32A	32A đến 38A	1 NO + 1 NC	550.000
	BTS338011CV	30~38A			550.000
	BTS340011CV	30~40A	40A đến 95A	1 NO + 1 NC	1.080.000
	BTS350011CV	37~50A			1.080.000
	BTS365011CV	48~65A			1.080.000
	BTS370011CV	55~70A			1.080.000
	BTS380011CV	63~80A			1.080.000
	BTS395011CV	80~95A			1.160.000

MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB - Loại cố định (Fixed Type) NEW

Tiêu chuẩn IEC60947-2

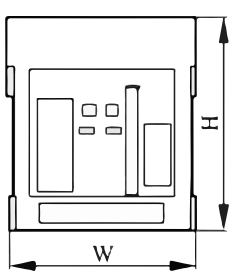


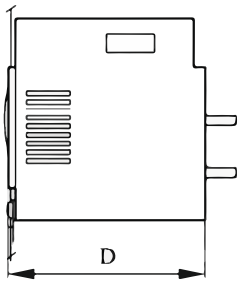
- ✓ Dòng định mức (In) từ 800A đến 4000A
- ✓ Điện áp định mức (Ue) lên đến 690V
- ✓ Điện áp cách điện định mức Ui lên đến 1800V
- ✓ Điện áp chịu xung định mức Uimp = 12kV / 18kV

Ics = 100% Icu

- ✓ Đã bao gồm trip điện tử (ETU) mã E1:
- ● Bảo vệ L I S G
- ● Đo dòng
- ● Bộ nhớ lỗi, nhiệt
- ● Tích hợp AX, SHT, UVT và các phụ kiện khác







ĐVT: mm

Khung dòng điện (AF)	H	W (3P)	W (4P)	D
2000AF	335	266	336	199
2500AF	393	422	537	290
4000AF	393	422	537	290

2000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 50kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3B08001MFCV	800	3P-3E	65.340.000
	BASF3B10001MFCV	1000		67.440.000
	BASF3B12501MFCV	1250		69.550.000
	BASF3B16001MFCV	1600		71.660.000
	BASF3B20001MFCV	2000		75.880.000
	BASF4B08001MFCV	800	4P-4E	87.260.000
	BASF4B10001MFCV	1000		89.790.000
	BASF4B12501MFCV	1250		92.740.000
	BASF4B16001MFCV	1600		95.690.000
	BASF4B20001MFCV	2000		101.170.000

2000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 66kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3B08001PFCV	800	3P-3E	69.550.000
	BASF3B10001PFCV	1000		69.550.000
	BASF3B12501PFCV	1250		71.660.000
	BASF3B16001PFCV	1600		75.880.000
	BASF3B20001PFCV	2000		84.310.000
	BASF4B08001PFCV	800	4P-4E	92.740.000
	BASF4B10001PFCV	1000		95.690.000
	BASF4B12501PFCV	1250		92.740.000
	BASF4B16001PFCV	1600		101.170.000
	BASF4B20001PFCV	2000		112.550.000

2500 AF - Dòng cắt danh định Icu = 85kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3C08001QFCV	800	3P-3E	86.410.000
	BASF3C10001QFCV	1000		88.520.000
	BASF3C12501QFCV	1250		92.740.000
	BASF3C16001QFCV	1600		96.950.000
	BASF3C20001QFCV	2000		105.380.000
	BASF3C25001QFCV	2500		113.810.000
	BASF4C08001QFCV	800	4P-4E	115.080.000
	BASF4C10001QFCV	1000		118.030.000
	BASF4C12501QFCV	1250		123.510.000
	BASF4C16001QFCV	1600		129.410.000
	BASF4C20001QFCV	2000		140.370.000
	BASF4C25001QFCV	2500		151.750.000

4000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 100kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3D32001RFCV	3200	3P-3E	151.750.000
	BASF3D40001RFCV	4000		202.330.000
	BASF4D32001RFCV	3200	4P-4E	189.690.000
	BASF4D40001RFCV	4000		252.920.000

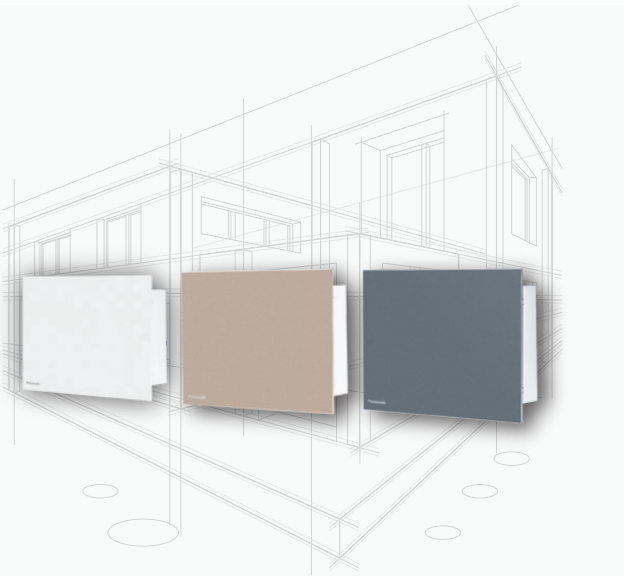
*Giá bán đã bao gồm VAT

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Moderva

Đặc điểm:

- Thiết kế tràn viền mang lại cảm giác thời thượng.
- Màu sắc trang nhã, hòa hợp cùng dòng sản phẩm Moderva hiện đại.
- Thiết kế cho phép mở từ 2 hướng.
- Tuân theo tiêu chuẩn IEC 60695-2-12, IEC60670-24, UL94V-0, RoHs.
- Cho khả năng chống vật rắn theo IP40.



Hình ảnh	Mã sản phẩm	Màu	Chất liệu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm) Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	Giá lẻ (cái)
Moderva   	BQDF08W31AV	Trắng	- Đế sắt - Mặt che nhựa	8 đường Thanh lược + Nhãn dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	813.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim									1.091.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim									1.091.000
	BQDF12W31AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhãn dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.027.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim									1.380.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim									1.380.000
	BQDF16W31AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhãn dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.198.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim									1.594.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim									1.594.000
	BQDF24W11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.097.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim									2.814.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim									2.814.000
	BQDF32W11AV	Trắng		32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.145.000
	BQDF32MG11AV	Vàng ánh kim	NEW								3.974.000
	BQDF32MH11AV *** Dự kiến có hàng 11/2026	Xám ánh kim	NEW								3.974.000
Level Art   	BQDX08T11AV	Trắng	- Đế sắt - Mặt che nhựa - màu trắng - Mặt che nhựa phủ kim loại - màu vàng	8 đường Thanh lược + Nhãn dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.380.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim									3.060.000
	BQDX12T11AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhãn dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.509.000
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim									3.296.000
	BQDX16T11AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhãn dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.712.000
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim									3.649.000
	BQDX24T11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.589.000
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim									5.596.000
	BQDX32T11AV	Trắng		32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.338.000
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim									6.773.000
	BQDX40T21AV	Trắng		40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	446 x 380 x 100	-	9	8	2	2	3.980.000
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim									8.057.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



	TB178	TB118	TB35809NE5	TB38809NE7	TB4728KE7V
					
Giá lẻ (cái)	696.000	1.124.000	840.000	1.295.000	1.969.000
Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
Chương trình **Operation**	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
Công suất **Consumption**	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
Pin dự trữ **Battery**	-	300 giờ **TB380N2457V** Giá lẻ: 224.000	-	300 giờ **TB380N2457V** Giá lẻ: 224.000	5 năm
Độ chia nhỏ nhất **Min setting (mins)**	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P + Ground — 297.000
WK2320K 250V - 20A - 3P — 313.000
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground — 867.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground — 472.000
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground — 954.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WF6315 125V - 15A - 2P + Ground — 189.000
WF6320 250V - 20A - 3P — 259.000
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground — 661.000
Phích cắm locking/ Locking Plug



WF6420 250V – 20A – 3P + Ground — 299.000
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground — 840.000
Phích cắm locking/ Locking Plug



WF2315WK (Trắng) 125V - 15A - 2P + Ground — 286.000
WF2320WK (Trắng) 250V - 20A - 3P — 269.000
Lắp với WN9513

WF2420BK (Đen) 250V – 20A – 3P + Ground — 469.000
WF2430B (Đen) 250V – 30A – 3P + Ground — 887.000
WF2420WK (Trắng) 250V – 20A – 3P + Ground — 438.000
WF2330B (Đen) 250V - 30A - 2P + Ground — 718.000
Lắp với WN9514



WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle 125V - 15A — 370.000



WN37008
Đai kim loại - Metal-Frame — 39.000



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P — 730.000



WF4330
Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P — 977.000



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35,5/ 45,5mm
1 gang - 1 device aluminum plate 35,5 dia/ 45,5 dia — 133.000



WN3040K-8
Trạm nối đất - Grounding - terminal — 113.000

CÔNG TẮC THẺ



WNH5611-801
Công tắc thẻ (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 cicuits)
Sử dụng với mặt WZV7843W
250V - 10A — 1.810.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W
Phích cắm 3 chấu - Grounding plug 125V - 15A
Đóng gói: 10 cái/hộp — 150.000

CHUÔNG ĐIỆN



EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói: 20 cái/ thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888 — 136.000



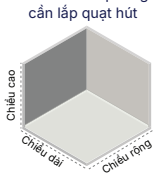
EBG888
Chuông điện, 220V - 9,5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói: 10 cái/ thùng — 233.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

LỰA CHỌN QUẠT HÚT

4 BƯỚC
CHO KHÔNG GIAN KHÔNG ĐIỀU HÒA

1 Tính thể tích phòng cần lắp quạt hút



Thể tích phòng (m³) = Chiều dài (m) x Chiều rộng (m) x Chiều cao (m)

2 Bội số (Số lần) Trao đổi không khí

LOẠI	BỘI SỐ (SỐ LẦN) TRAO ĐỔI KHÔNG KHÍ (LẦN/H)
Phòng khách	2-3
Phòng ngủ	2-3
Phòng bếp	2-3
Phòng tắm	10
Phòng vệ sinh	10

Các thông số trong bảng trên áp dụng cho các phòng trong nhà ở dân dụng.

3 Tính toán lưu lượng không khí cần thiết

Lưu lượng không khí cần thiết (m³/h) = Bội số (số lần) trao đổi không khí (lần/h) x Thể tích phòng (m³)

4 Lựa chọn loại quạt hút có lưu lượng không khí phù hợp



Lưu lượng không khí quạt hút > lưu lượng không khí cần thiết của mỗi loại phòng

2 BƯỚC
CHO KHÔNG GIAN CÓ ĐIỀU HÒA

1 Lượng không khí từ bên ngoài cấp vào phòng trong nhà ở (phòng khách/ phòng ngủ) là 35m³/h cho 1 người



2 Nhân 35 với số người ở trong phòng
⇒ lượng không khí cần thiết (m³/h)
⇒ chọn quạt hút có lưu lượng không khí ≥ lưu lượng gió



Lượng không khí cần thiết = 35 x Số người trong phòng

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25TGU5	26,5	612	39	31,5	1.090.000
FV-15TGU6	10	275	35	21,7	870.000
FV-20TGU6	18	520	40	27	980.000

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Hình	Mã sản phẩm	Loại	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
	FV-15AUL1		12,5	255	36	20	1.080.000
	FV-20AL1	1 chiều - Có màn che	18	550	38	25	1.100.000
	FV-25AL1		25	840	40,5	30	1.210.000
	FV-30AL1		28	1.000	39	35	2.410.000
	FV-20RL1	2 chiều - Có màn che	17/12,5	550/430	38/45	25	1.750.000
	FV-25RL1		25/16,5	840/600	40,5/43	30	2.130.000
	FV-30RL1		27,5/18	1.000/750	39/42	35	2.500.000
	FV-20AU1	1 chiều - Không màn che	18	590	36	25	880.000
	FV-25AU1		25	950	38	30	1.000.000
	FV-30AU1		28	1.200	37	35	1.610.000

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

Hình	Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
	có lá lật							
	FV-10EGS2	4,3	76	35	Φ13 ~ 14	Φ12 ~ 12,5	19	840.000
	FV-15EGS2	5,7	155	36	Φ17,5~18,5	Φ16,5 ~ 17	23	1.020.000
	không có lá lật							
	FV-10EGD2	4,1	82	34	Φ13 ~ 14	Φ12 ~ 13	9	700.000
	FV-15EGD2	5,7	170	37	Φ17,5~18.5	Φ16,5~17,5	9	770.000

Thiết bị phát lon - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng nanoe™X



nanoeX Công nghệ lọc nanoe™X — Khử mùi — Kháng khuẩn/ ngừa virus

Mùi cơ thể · Mùi thuốc lá · Phấn hoa · Mùi rác · Mùi thức ăn · Vi khuẩn · Nấm mốc · Virus

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ (cm)	
FV-15CSD1	4	15	23,5	15	7.480.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25GS4	39	1.100	34	27,5	4.870.000
FV-30GS4	59	1.800	38	32,5	6.740.000
FV-35GS4	88	2.670	44	39,5	8.240.000
FV-40GS4	161	3.780	47	44,5	10.510.000

QUẠT HÚT SƯỞI

Chức năng thông gió, sưởi ấm



FV-30BZ1 — 4.700.000
Kích thước lắp đặt: 280x260mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.380	130	45
Thông gió	23		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote



FV-30BY1 — 6.690.000
Kích thước lắp đặt: 260 x 280mm/ Kích thước ống dẫn: Ø110mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.400	140	45
Thông gió	20		41

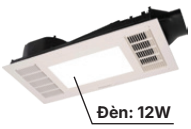
Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote



FV-30BG3 — 10.920.000
Kích thước lắp đặt: 300x 300mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.500	170	46
Thông gió	28		39

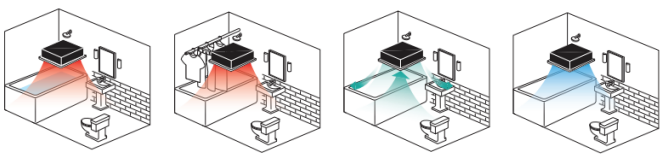
Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát, đèn có remote



FV-54BVZL1 NEW — 11.250.000
Kích thước lắp đặt: 284 X 556mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	2650	140	46
Thông gió	23		39

CHỨC NĂNG QUẠT HÚT SƯỞI



SƯỞI ẤM — SẤY KHÔ — GIÓ MÁT — THÔNG GIÓ

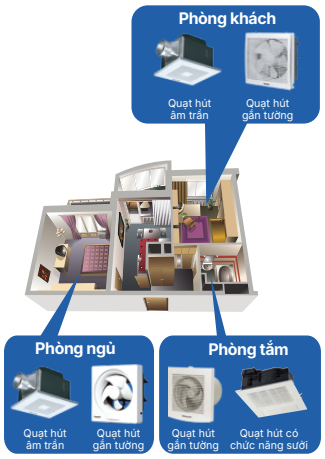
*Giá bán đã bao gồm VAT

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

· Duy trì dưỡng khí trong lành
· Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc, ...)
· Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp từ 23dB
- Thiết kế tinh tế dễ lắp đặt
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000h
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- Động cơ được trang bị cảm biến nhiệt - tự động tắt khi quạt quá nóng - đảm bảo an toàn cho thiết bị và người sử dụng



QUẠT CẤP GIÓ

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Thiết bị cấp "gió tươi" — Động cơ DC — Lọc bụi mịn PM 2.5



- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

13.125.000

FV-01NAP1	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)
Cao	10	133	26
Thấp	3	42	20

Lọc bụi mịn PM 2.5



FV-06PHP1	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ tường (cm)	
Cao	7,5	63	36	Φ164 - Φ168	4.010.000
Thấp	3,2	32	25		

QUẠT CHẮN GIÓ



Mã sản phẩm	Hz		Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3509U1	50	Cao	95	1.150	51	16.800.000
		Thấp	85	1.000	49	
FY-4009U1	50	Cao	110	1.340	54,5	17.150.000
		Thấp	94	1.190	51	

Mã sản phẩm	Hz		Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3512U1	50	Cao	114	1.550	49	18.334.000
		Thấp	100	1.300	46	
FY-4012U1	50	Cao	126	1.700	52,5	18.500.000
		Thấp	105	1.530	48,5	

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
FV-17CU9	7,5	85	23	17,7	2.440.000
NEW FV-17CH9	9,5	100	27,5	17,7	2.600.000
FV-24CU9	10,5	140	25	24	3.010.000
FV-24CD9	13,5	170	28,5	24	3.100.000
FV-24CH9	16,5	200	32	24	3.280.000



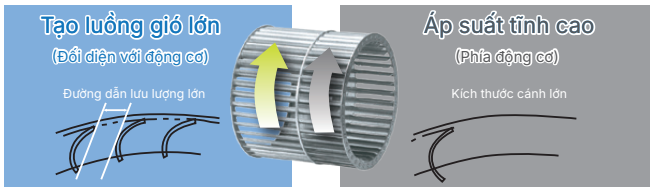
Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ					
FV-27CH9	23 (Low) / 28 (Hi)	260 (Low) / 330 (Hi)	30 / 34	27	5.020.000
FV-32CD9	32 (Low) / 42 (Hi)	300 (Low) / 430 (Hi)	28 / 36	32	6.700.000
FV-32CH9	45 (Low) / 55 (Hi)	400 (Low) / 530 (Hi)	34 / 41	32	7.280.000
FV-38CD8	66 (Low) / 90 (Hi)	430 (Low) / 640 (Hi)	35 / 44	38,5	9.080.000
FV-38CH8	89 (Low) / 122 (Hi)	525 (Low) / 800 (Hi)	40 / 50	38,5	9.900.000

Dòng quạt hút có sensor



Sensor

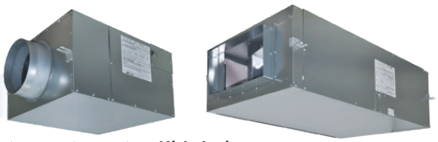
Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
*Sensor chuyển động — FV-24CUR2	11	140	25	24	4.320.000
*Sensor chuyển động — FV-24CHR2	17	200	32	24	4.515.000
*Sensor chuyển động & độ ẩm — FV-24CURV2	11	140	25	24	5.720.000
*Sensor chuyển động & độ ẩm — FV-24CHRV2	17	200	32	24	5.920.000



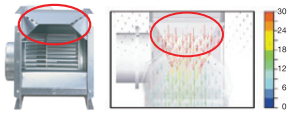
Mạnh mẽ với luồng gió kép
Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

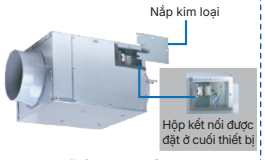
QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

3 pha



Mã sản phẩm	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-28NX3	600	2.600	44	Ø250	21.540.000
FV-25SW3	940	4.000	43	250 x 500	36.790.000
FV-25SM3	1.180	5.200	45	250 x 700	44.350.000





Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

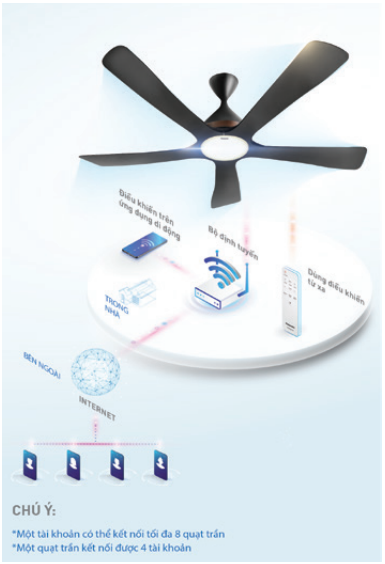
Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã sản phẩm	Cấp độ	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	3.360.000
	Low	17	145	17		
FV-15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	4.450.000
	Low	29,5	275	22		
FV-18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	5.310.000
	Low	55	405	27		
FV-18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	6.490.000
	Low	80	620	29		
FV-20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	8.020.000
	Low	113	720	29		
FV-23NL3	Hi	230	1.200	40	Ø200	9.740.000
	Low	170	900	34		
FV-25NS3	Hi	345	1.700	41	Ø250	12.880.000
	Low	265	1.380	38		
FV-25NF3	Hi	390	1.900	43	Ø250	14.720.000
	Low	325	1.600	40		



*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



KẾT NỐI QUẠT TRẦN BẰNG WIRELESS

App: Ceiling Fan

Wi Fi CERTIFIED
Download on the App Store
Google Play

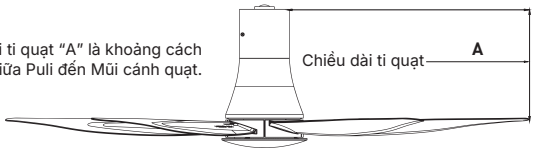
ĐIỀU KHIỂN BẰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Để điều khiển quạt trần bằng điện thoại, người dùng chỉ cần kết nối ứng dụng với bộ định tuyến.
* Thiết bị di động cần có: iOS 12,2 và Android 7 trở lên.

Cách xác định chiều dài ti quạt

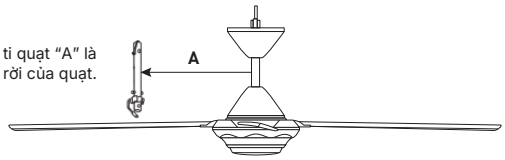
Quạt trần có Ti quạt cố định với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.



Quạt trần có Ti quạt rời (không cố định) với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



F-60DGN



Available on the App Store
GET IT ON Google Play



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37,3 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 73W (quạt 54W, đèn: 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

13.970.000

F-60DHN



Available on the App Store
GET IT ON Google Play



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37,3 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 54W
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

10.800.000

nanoeX | INTELLIGENT ECO SENSORS ECONAVI | 1/f yuragi | DC MOTOR | SAFETY | BẢO HÀNH TẠI VIỆT NAM

F-60FEN





Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28,8 cm

- Tích hợp công nghệ nanoe™ X giúp ức chế đến 99,9% vi khuẩn, vi rút, khử 90% mùi khó chịu trong vòng 15-30 phút, giữ ẩm cho da và tóc
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ ECONAVI - điều chỉnh lượng gió theo nhiệt độ môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể, giúp tiết kiệm điện đến 52%
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

11.970.000

F-48DGL



Available on the App Store
GET IT ON Google Play



Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 27,8 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 50W (quạt: 31W, đèn 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 200 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt cải tiến giúp lan tỏa gió nhẹ nhàng, êm dịu
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

11.730.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT TRẦN - Ceiling Fan

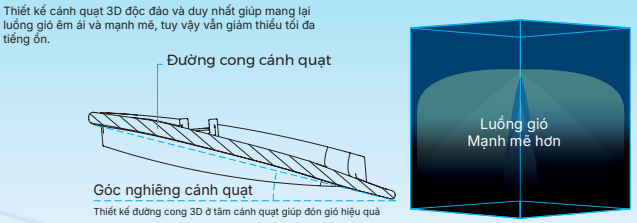
Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần.
Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC).
Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC).

Động cơ điện một chiều (DC)	Động cơ điện xoay chiều (AC)
Rotor: Nam châm vĩnh cửu	Rotor: Nam châm điện
Stator: Nam châm điện	Stator: Nam châm điện
Đầu vào dòng điện	Đầu vào dòng điện
Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator	Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.





Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch



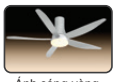
F-60GFN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 58W (motor: 40W, đèn: 18W)
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 1 chế độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- 1 chế độ ánh sáng tối đa (Full light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ty: 28,8cm
Đèn led có 4 chế độ sáng


Ánh sáng trắng


Ánh sáng ban ngày


Ánh sáng vàng


Ánh sáng vàng dịu

12.750.000



F-60GDN (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDN-S (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDN-LG (Xám trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDN-LGS (Xám trắng, chiều dài ty 21,2cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD



Đường kính cánh 150cm

7.160.000



F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28,8cm

10.000.000



F-60GDS-W (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-WS (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDS-B (Nâu, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-BS (Nâu, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDS-BE (Beige, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-BES (Beige, chiều dài ty 21,2cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD



Đường kính cánh 150cm

7.160.000



F-60HAN (Xám)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi – điều chỉnh lưu lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285m³/phút
- Có chế độ hẹn giờ mở/tắt trong vòng 24h
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28,8cm

9.600.000



F-60XDN (Đen)
F-60XDN-W (Trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28,8cm

8.480.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



Đường kính cánh 180cm

F-70ZBP (Chiều dài ti 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

20.700.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 29,2cm

F-56XPG (Đen)
F-56XPG-W (Trắng)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 191 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

4.020.000



Đường kính cánh 120cm
Chiều dài ti 14cm

F-48CZL

- Công suất 55W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 160 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

5.050.000



Đường kính cánh 140cm
Hộp số loại nổi

F-56NCL
(Đồng cổ điển, chiều dài ti 18inch - 45.7cm)

F-56NCL-S
(Đồng cổ điển, chiều dài ti 12inch - 30.4cm)

- Công suất 70W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m³/phút

2.650.000



105 59 105
Đường kính cánh 150cm
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay hộp đế âm)

F-60FV2-MS (Trắng, chiều dài ty 9inch - 22,8cm)
F-60FV2-S (Trắng, chiều dài ty 12inch - 30,4cm)
F-60FV2 (Trắng, chiều dài ty 18inch - 45,7cm)
F-60FV2-L (Trắng, chiều dài ty 22inch - 55,8cm)

- Công suất 74W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 270 m³/phút
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp đế âm đơn mặt vuông:
  W:80mm x L:80mm x H: trên 50mm (Kích thước đề nghị)

2.020.000



Đường kính cánh 200cm

F-80ZBR (Chiều dài ti 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

22.230.000



F-56MZG-GO (Vàng ánh kim, chiều dài ti 40,6cm)
F-56MZG-GOS (Vàng ánh kim, chiều dài ti 22,9cm)
F-56MZG-S (Bạc, chiều dài ti 40,6cm)
F-56MZG-SS (Bạc, chiều dài ti 22,9cm)



Đường kính cánh 140cm

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.640.000



F-56MPG-GO (Vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Bạc)



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 31,9cm

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

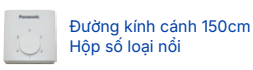
3.640.000



F-60MZ2-MS (Trắng, chiều dài ti 9inch - 22,8cm)
F-60MZ2-S (Trắng, chiều dài ti 12inch - 30,4cm)
F-60MZ2 (Trắng, chiều dài ti 18inch - 45,7cm)
F-60MZ2-L (Trắng, chiều dài ti 22inch - 55,8cm)



F-60MZ2-KMS (Đen, chiều dài ti 9inch - 22,8cm)
F-60MZ2-KS (Đen, chiều dài ti 12inch - 30,4cm)
F-60MZ2-K (Đen, chiều dài ti 18inch - 45,7cm)
F-60MZ2-KL (Đen, chiều dài ti 22inch - 55,8cm)



Đường kính cánh 150cm
Hộp số loại nổi

- Công suất 66W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 215 m³/phút

1.700.000

⚠ Khuyến cáo: - Hộp số của quạt nào nên dùng đúng của quạt đó.
- KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



F-409MB (Xanh)
F-409MG (Trắng ngà)

- Công suất 51W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
- Có remote

2.930.000



F-409UB (Xanh)
F-409UGO (Vàng kim)

- Công suất 47,5W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió: 76 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.370.000



F-50YUZ (Đen)

- Công suất 53 ~ 63W
- Đường kính quạt 50 cm
- Lưu lượng gió 100 m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.570.000

QUẠT ĐẢO - Orbit fan



F-409QB (Xanh)
F-409QGO (Vàng)

- Công suất 45W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió: 79 m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.340.000

QUẠT BÀN - Table fan



F-400CB (Xanh)
F-400CI (Trắng ngà)

- Công suất 48W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió: 75 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.580.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



F-409KB (Xanh)
F-409KBE (Beige)
F-409KMR (Đỏ)

- Công suất 51W
- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 128 - 143 cm
- Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
- Có remote

4.130.000



F-30JLVW (Trắng)
F-30JLVG (Xám)

- 7 cánh quạt
- Động cơ: DC
- Công suất: 20W
- Đường kính quạt: 30cm
- Chiều cao quạt: 58cm – 101,5cm
- Lưu lượng gió: 35,3 m³/ phút
- 6 cấp độ gió
- 3 chế độ gió: Thường - Tự nhiên - Ngủ
- Hẹn giờ tắt 1 – 8 giờ
- Có remote

2.930.000



F-308NHB (Xanh)
F-308NHP (Hồng)

- Công suất 37W
- Đường kính quạt 30 cm
- Chiều cao quạt 91 - 105 cm
- Lưu lượng gió: 40 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Có remote

4.060.000



F-307KHB (Xanh)
F-307KHS (Bạc)

- Công suất 37W
- Đường kính quạt 30 cm
- Chiều cao quạt 66 - 85 cm
- Lưu lượng gió: 50,7 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Có remote

2.840.000



F-407WGO (Vàng kim)

- Công suất 53.5W
- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 134 - 157 cm
- Lưu lượng gió: 76 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.400.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

CÔNG NGHỆ NANOE™



KHÁNG KHUẨN/ NGỪA VIRUS

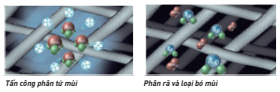
- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% vi khuẩn (E Coli O 157, MRSA.H)





KHỬ MÙI

- Diệt 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút





GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.





So sánh với chế độ tự động

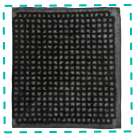
TẤM LỌC KHÍ

Tấm lọc khí tích hợp

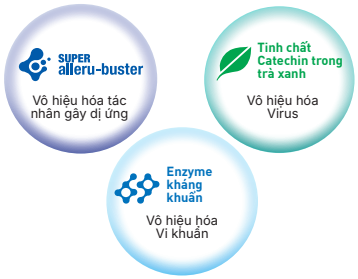


Tấm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong nhà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI - Air Purifier & Deodorization



*Sản phẩm thích hợp dùng cho xe hơi

F-GPT01A-K (Đen)
F-GPT01A-R (Đỏ)

- Lưu lượng gió: 0,07 m³/phút
- Phạm vi sử dụng: 3m³
- Độ ồn (MSK): 34dB
- Công suất: 3,5W
- Công nghệ lọc: nanoe™X
- Dây cáp sạc: USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1,5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66 x Ø90 x H170 mm
- Khối lượng: 0,4 kg

4.500.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: phòng tắm, ...).
- Điều kiện để phát nanoe™X:
- Nhiệt độ phòng: khoảng 5-40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn).
- Độ ẩm: Khoảng 30-85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa).















	F-VXV70A	F-PXU70A	F-PXV55A	F-PXV50A	F-PXV35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
	16.000.000	14.400.000	14.000.000	10.750.000	7.770.000	4.850.000	3.930.000
- Lưu lượng gió (m³/min) - hi	6.7	7	5.3	5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	36	49	29	24	30	29
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	49	52	47	49	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m²)]	52	52	41	36	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™	–
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA (lọc được Formaldehyde)	HEPA	HEPA	HEPA	–	HEPA
- Hút gió 3 chiều	•	–	•	•	•	•	•
- Cảm biến sensor	Bụi và mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	PM2.5/ Mùi /Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Mùi	Mùi	–
- Đo mức độ ô nhiễm	•	•	•	•	•	•	–
- Đèn báo PM2.5	–	•	•	•	–	–	–
- Chế độ tự động	•	•	•	•	•	•	–
- Chế độ Turbor	–	–	–	–	•	•	–
- Chế độ ngủ [8 giờ]	•	–	•	–	•	•	•
- Chế độ báo thay bộ lọc	•	•	•	•	•	•	•
- Chế độ khóa trẻ em	•	•	•	–	–	–	•
- Kích thước (C x R x S) (mm)	636x398x265	560x362x280	580x300x205	550x340x208	520x300x189	540x311x210	385x310x152
- Chế độ Econavi	•	–	•	–	–	–	–
- Điều khiển bằng remote	–	–	–	–	–	–	–
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	2 năm	10 năm	4 năm	3 năm	2 năm	2 năm
[Khử mùi]							
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]	1.790.000	2.150.000	1.920.000	2.520.000	1.340.000	890.000	1.210.000
[Khử mùi]	840.000	1.220.000	840.000	Hỗn hợp + khử mùi	750.000	610.000	Hỗn hợp + khử mùi
[Tạo ẩm]	970.000						

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ - Air Purifier

Thiết bị xử lý không khí Ziaino™



F-JPU70A

Thông số kỹ thuật	75.000.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo axit hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m^2)	92(**)		
- Chế độ không khí	Cao	Trung bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m^3/phút)	7,0	4,0	2,0
- Điện năng tiêu thụ (W)	72	31	20
- Độ ồn (dB)	49	37	20
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	9,6	14,0	22,6
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 7,8 (Dung tích thực: 7,0)		
- Bộ lọc	Bộ lọc bụi bẩn (2 năm)/ Bộ lọc khử trùng (5 năm) / Cụm chống nấm mốc (5 năm)		
- Chỉ báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Chế độ khóa trẻ em	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	730 × 510 × 307		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	17		

- Hủ muối: 1000 viên/hủ, dùng khoảng 3 năm (Ngày dùng 1 viên - 8 tiếng liên tục mỗi ngày)
* Thời gian vận hành liên tục với đầy nước đạt được trong môi trường có nhiệt độ phòng là 20°C và độ ẩm tương đối là 30%
** Diện tích sử dụng được tính toán bởi bộ phận nghiên cứu của Panasonic.

Thiết bị xử lý không khí Compact Ziaino™

NEW



MADE IN JAPAN



* Dự kiến có hàng 10/2026

F-JP20DV

Thông số kỹ thuật	17.500.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo Axit Hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m^2)	30		
- Chế độ không khí	Cao	Trung Bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m^3/phút)	2	1	0,3
- Điện năng tiêu thụ (W)	27	10	6
- Độ ồn (dB)	48	33	15
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	6,1	10,5	23,5
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 0,9		
- Cảm biến Sensor	Mùi - Nhiệt độ - Độ ẩm		
- Bộ lọc	Bộ lọc phức hợp HEPA tĩnh điện (3,5 năm)/ Bộ lọc diệt khuẩn (7 năm)/ Bộ điện cực (7 năm)/ Cụm chống nấm mốc (7 năm) ***Điều kiện: Vận hành 12 giờ mỗi ngày		
- Chỉ báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Chế độ khóa trẻ em	Có		
- Chế độ tự động	Có		
- Chế độ ngủ	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	450 × 280 × 185		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	5,7		

- Hủ muối: 100 viên/ hủ, dùng khoảng 10-12 tháng (12 tiếng liên tục mỗi ngày). Khoảng 7 tháng bổ sung muối 1 lần (60-70 viên/lần, máy sẽ tự động lấy từng viên một vào khay).

MÁY HÚT ẨM - Dehumidifier

***Màng lọc 4 trong 1**
+ Khử mùi: 90%
+ Vô hiệu hóa vi khuẩn: 99%
+ Vô hiệu hóa vi rút: 90%
+ Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng: 80%







Thông số kỹ thuật		F-YCT10V CẬP NHẬT	F-YCT14V CẬP NHẬT	F-YCT17V CẬP NHẬT
- Phạm vi sử dụng	m^2	25	35	42
- Khả năng hút ẩm (30°C/80%)	L/Ngày	10	14	17
- Công suất	W	220	230	285
- Loại máy		Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh
- Bình chứa	L	2,5	2,5	4,8
- Hẹn giờ	H	-	2/4/8 (tắt)	2/4/8 (tắt)
- Báo độ ẩm		-	●	●
- Báo đầy bình chứa		●	●	●
- Màng lọc		Màng lọc bụi thô	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1
- Chế độ hoạt động	Sets	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt
- Kích thước (C x R x S)	mm	530 × 293 × 230	580 × 300 × 215	605 × 360 × 260
- Tuổi thọ màng lọc (4 trong 1)	năm	-	3	3
- Khối lượng	Kg	13,0	11,5	14,0

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater

KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4US1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm^2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

VÒI CẤP

4.050.000



DH-4US1VS
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm^2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

VÒI CẤP

4.250.000



DH-4UD1VZ
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích).
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm^2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

VÒI CẤP

5.660.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4UP1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm^2)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

VÒI CẤP

6.000.000



DH-4UP1VS
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm^2)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

VÒI CẤP

6.200.000



DH-4UDP1VZ
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích)
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm^2)
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

VÒI CẤP

7.620.000





(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater

KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – X SERIES



DH-4XS1VH
- Công suất: 4,5kW
- Màn hình hiển thị nhiệt độ tiện lợi
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun
- Đầu vòi sen siêu rộng 109mm cho trải nghiệm tắm thoải mái hơn
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, núm xoay
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

* Dự kiến có hàng 10/2026

4.230.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – V SERIES



DH-3VS1VW
- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.220.000



DH-4VS1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.520.000



Dòng tiêu chuẩn



DH-4MS1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.710.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – X SERIES



DH-4XP1VH
- Công suất: 4,5kW
- Màn hình hiển thị nhiệt độ tiện lợi
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun
- Đầu vòi sen siêu rộng 109mm cho trải nghiệm tắm thoải mái hơn
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, núm xoay
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

* Dự kiến có hàng 10/2026

6.450.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – V SERIES



DH-3VP1VW
- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.210.000



DH-4VP1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.430.000



Dòng tiêu chuẩn

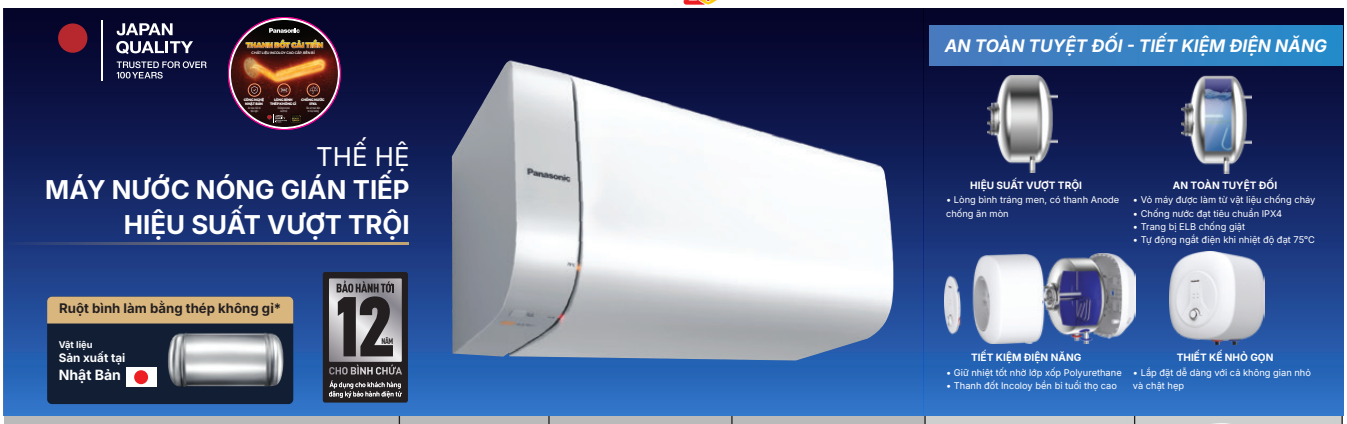


DH-4MP1VW
- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.670.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP - Storage water heater



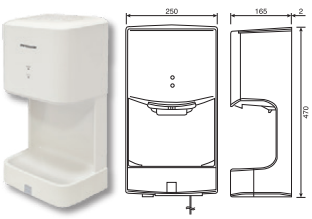
Mã sản phẩm		DH-15HBMVWL	DH-20HBMVWL	DH-30HBMVWL	DH-15SASVW (NEW)	DH-30SASVW (NEW)
		4.570.000	4.760.000	5.280.000	4.120.000	4.750.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30	15	30
	Điện vào (V)	220	220	220	220	220
	Công suất (kW)	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5
	Áp lực nước (Tối đa) (Mpa)	0,75	0,75	0,75	0,75	0,75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75	75	75
	Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	30	40	60	30	60
Thân máy	Màu	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo đang đun nước	•	•	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10	8	13,1
	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	323 × 437 × 310	323 × 526 × 310	323 × 704 × 310	380 × 380 × 325	440 × 440 × 390
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật			Lòng bình tráng men	
	Thanh đốt	Incoloy			Incoloy	
	Thanh anode	-			•	
	Chống nước	•			•	
	Vật liệu cách nhiệt	Mút Styrofoam			Lớp xốp Polyurethane dày 20mm	
	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng			Thép không gỉ	
An toàn	Trang bị ELB chống giật	Tích hợp			•	
	Tự động ngắt nhiệt	•			•	
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4			IPX4	
	Cấu trúc cách điện	•			•	
	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•			•	
Xuất xứ		Malaysia			Trung Quốc	

*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer

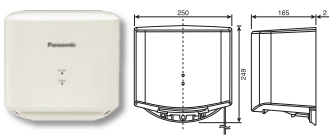
An Toàn - Tiết Kiệm
Bảo Vệ Môi Trường





FJ-T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.630.000



FJ-T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

6.440.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXK-SV5
(Dây điện 12,5cm) **1.780.000**

GP-129JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **1.800.000**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m

NEW



GP-201JXK-SV5
(Dây điện 12,5cm) **2.300.000**

GP-201JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.320.000**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



GP-250JXK-SV5
(Dây điện 20cm) **3.830.000**

GP-250JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **3.860.000**

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng

Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát.







Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm.

MÁY BƠM TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG



A-130JAK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.480.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m

NEW



A-201JAK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.970.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



A-130JACK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **3.530.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



A-130JTX
(Dây điện 125cm + phích cắm) **4.850.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 9m
- Mô tơ dây đồng



GA-125FAK
(Dây điện 135cm + phích cắm) **3.250.000**
- Bơm tăng áp điện tử nước LẠNH
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút

**** Lưu ý lắp đặt bơm (áp dụng cho GA-125FAK và GA-200FAH)***
1. Sản phẩm này không dùng cho hút giếng và đẩy cao, chỉ sử dụng tăng áp từ trên xuống.
2. Bơm cần đặt thấp hơn bồn chứa và vòi nước ra thấp hơn bồn chứa ít nhất 1m



GA-200FAH
(Dây điện 120cm + phích cắm) **4.210.000**
- Bơm tăng áp điện tử nước NÓNG/LẠNH
- Công suất: 200W
- Lưu lượng nước: 50 lít/phút

* Lưu ý:
Chịu được nước nóng 100°C
Yêu cầu lắp đặt tương tự GA-125FAK

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Technology centrifugal	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều hút sâu (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
GP-10HCN1SVN	750	1	10-99	9	34-25	●	6.840.000
GP-15HCN1SVN	1.100	1,5	30-145	9	38,7-22	●	9.660.000
GP-20HCN1SVN	1.500	2	30-154	9	46,2-26	●	11.190.000

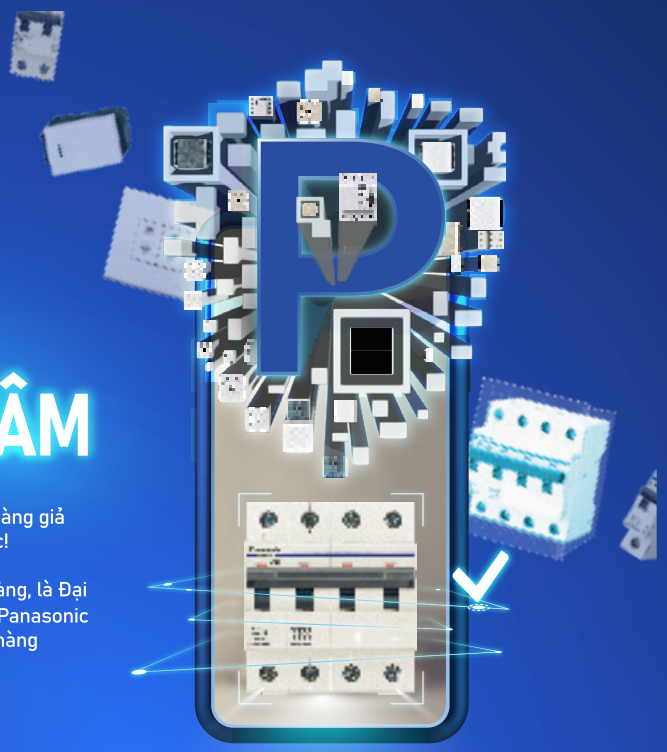


Panasonic

CÙNG PANASONIC CHỐNG LẠI HÀNG GIẢ

với 3 bước trên Hệ thống QR!

- TIỆN LỢI
  Xác thực nhanh chóng. Kích hoạt bảo hành mọi lúc mọi nơi
- UY TÍN
  Giúp khách hàng phân biệt hàng chính hãng làm nên thương hiệu Panasonic
- CHẤT LƯỢNG
  Đem đến trải nghiệm sản phẩm chân thực & vượt trội cho khách hàng



ĐỊNH DANH HÀNG THẬT CẬP BẾN AN TÂM

Chống lại các hành vi buôn bán hàng giả cùng Hệ thống QR của Panasonic!

Để bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, là Đại lý phân phối và Người tiêu dùng, Panasonic xin giới thiệu Quy trình xác thực hàng chính hãng trên Hệ thống QR.

3 BƯỚC TRÊN HỆ THỐNG QR!

01 **TÌM TEM QR TRÊN SẢN PHẨM**
Trên thân sản phẩm Quý khách hàng sẽ tìm thấy tem chính hãng với mã QR.

02 **QUÉT TEM QR VỚI CAMERA ĐIỆN THOẠI**
Mở camera điện thoại và quét tem QR, Quý khách hàng sẽ thấy hiển thị đường dẫn đến Hệ thống quản lý PEWVN.

03 **HIỂN THỊ KẾT QUẢ HÀNG CHÍNH HÃNG**
Kết quả tra cứu bao gồm
1) Mã sản phẩm. 2) Tên sản phẩm,
3) Mã tham chiếu, 4) Ngày sản xuất.

KẾT QUẢ HIỂN THỊ





XÁC THỰC HÀNG CHÍNH HÃNG

Sản phẩm chính hãng của Panasonic sẽ hiển thị thông tin chi tiết như hình bên.





KÍCH HOẠT BẢO HÀNH SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG

Sau khi xác minh, Quý khách nhập thông tin cá nhân để thực hiện Kích hoạt bảo hành.





BÁO CÁO HÀNG KHÔNG CHÍNH HÃNG

Nếu sản phẩm là hàng giả, Quý khách vui lòng báo về Hotline trên màn hình để được hỗ trợ.

**Hình ảnh chỉ mang tính minh họa*

QUÉT MÃ QR ĐỂ TÌM HIỂU THÊM

QUÉT NGAY

Panasonic

ProClub

TÍCH ĐIỂM CỰC DỄ NHẬN QUÀ THÍCH MÊ



Kích hoạt bảo hành ngay khi **tích điểm thành công**

Thêm bạn **thưởng vô hạn**

Xem thêm chi tiết tại:

Zalo Nanoco Group

fb.com/nanoco.com.vn

info@nanoco.com.vn

www.nanoco.com.vn

ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Thợ thầu

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN



BƯỚC 1:
Đăng ký tài khoản

* Chọn đối tượng là Nhà phân phối cấp 2

* Điền thông tin và mật khẩu để đăng ký tài khoản



BƯỚC 2:
Quét QR trên sản phẩm

* Nhấn vào mục "Quét QR" trên app để quét mã QR trên sản phẩm



BƯỚC 3:
Kích hoạt bảo hành/ tích điểm

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành" nếu muốn kích hoạt bảo hành cho mình

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành cho người khác" nếu kích hoạt bảo hành cho người khác và điền thông tin vào

19006711

Bảo hành Panasonic: 18001593

Zalo

FB Messenger

Youtube